

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Định (giai đoạn 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:

- Tên công trình: Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Định (giai đoạn 1).
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Sở Nội vụ tỉnh Bình Định.
- Đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Lưu trữ Lịch sử tỉnh Bình Định (theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 15/12/2021).
- Địa điểm xây dựng: số 12, đường Mai Hắc Đế, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Loại, nhóm, cấp công trình: công trình dân dụng (công cộng), cấp II.
- Thời gian thực hiện: năm 2016-2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán
1	2	3	4
	Tổng cộng chi phí	64.248.881.591	62.874.796.000
I	Xây dựng	47.807.712.884	47.771.821.000

TT	Nội dung	Dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán
1	2	3	4
1	Gói thầu số 21		33.548.849.000
2	Gói thầu số 22		14.222.972.000
II	Thiết bị	9.256.155.138	9.051.137.000
1	Gói thầu số 21		5.975.147.000
2	Gói thầu số 22		3.075.990.000
III	Chi phí quản lý dự án	975.318.889	955.326.000
IV	Tư vấn đầu tư xây dựng công trình	3.175.357.108	2.971.569.000
1	Chi phí lập dự án đầu tư	249.321.223	249.321.000
2	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC - dự toán	1.624.236.545	1.603.837.000
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán	66.475.700	66.475.000
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn quản lý dự án	2.206.436	2.000.000
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu khảo sát, lập TKBVTC- DT	3.263.526	3.263.000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp và thiết bị gói số 21	132.404.495	90.109.000
	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp số 22		29.036.000
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công XD	2.000.000	2.000.000
8	Chi phí giám sát thi công + thiết bị	1.003.949.183	925.528.000
9	Chi phí tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	91.500.000	0
V	Chi phí khác	2.742.999.905	2.124.943.000
1	Bảo hiểm công trình	110.534.491	100.777.000
2	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu tư vấn quản lý dự án	2.000.000	2.000.000
3	Chi phí thẩm định HSMT, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 21	61.915.418	45.000.000
	Chi phí thẩm định HSMT, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 22		0
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu khảo sát, lập thiết kế BVTC - dự toán	2.000.000	0

TT	Nội dung	Dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán
1	2	3	4
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu tư vấn giám sát	2.000.000	2.000.000
6	Chi phí thẩm định dự án	11.706.000	11.706.000
7	Chi phí thẩm định TKBVTC-DT	33.594.000	31.132.000
8	Cho phí thẩm duyệt thiết kế PCCC	29.208.762	29.208.000
9	Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, tư vấn quản lý dự án, thi công xây lắp, thi công lắp đặt thiết bị, tư vấn giám sát	12.711.463	0
10	Chi phí kiểm định chất lượng và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	373.715.424	0
11	Chi phí ngưng và cung cấp điện trở lại (tạm tính 2 lần)	488.400	0
12	Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao ĐZ 22KV	2.469.125	0
13	Chi phí nghiệm thu đóng điện bàn giao TBA	5.248.858	0
14	Chi phí kiểm toán Báo cáo quyết toán	314.025.384	255.409.000
15	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	105.745.810	86.000.000
16	Chi phí hạng mục chung	1.675.636.770	1.561.711.000
VI	Dự phòng chi	291.337.667	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	64.248.881	62.874.796	62.871.516	86.000	82.725
1. Vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu theo Nghị quyết số 39			29.999.199		

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
2. Vốn NS tỉnh (Vốn đầu tư tập trung)			32.872.317		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số				
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			62.874.796.000	62.874.796.000
- Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2 Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 62.874.796.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	62.871.516.000	
1. Đã bố trí	62.871.516.000	
- Vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu theo Nghị quyết số 39.	29.999.199.000	
- Vốn NS tỉnh (Vốn đầu tư tập trung)	32.872.317.000	
2. Còn phải thu hồi	82.725.000	
3. Chưa bố trí	86.000.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày nộp báo cáo quyết toán:

+ Tổng nợ phải thu: 82.725.000 đồng. Trong đó thu hồi: chi phí xây dựng 35.098.000 đồng; chi phí quản lý dự án 8.957.000 đồng (đã nộp vào ngân sách nhà nước chứng từ số 5083 ngày 19/11/2021); chi phí lập dự án đầu tư 38.670.000 đồng (đã nộp vào ngân sách nhà nước theo Giấy nộp tiền ngày 16/9/2024).

+ Tổng nợ phải trả: Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 86.000.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Trung tâm Lưu trữ Lịch sử tỉnh Bình Định	62.874.796.000

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng cơ quan, đơn vị đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCTTT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.

Munt

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh